TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Nhàn

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim B**, sinh năm 1988 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn B1**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Kim B trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà và ông Huỳnh Văn B1 thương nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Lý do trong cuộc sống hôn nhân có nhiều

quan điểm không hợp nhau nên dẫn đến bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn B1.

Về con: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Văn T, sinh ngày 31/01/2011; Huỳnh Văn T1, sinh ngày 28/10/2016 và Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 02/11/2018.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Huỳnh Văn B1;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông B1 cấp dưỡng nuôi con;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Kim B vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu về hôn nhân, về con chung, về tài sản và về nợ. Bà xác định nguyên nhân mâu thuẫn còn do ông B1 không chí thú làm ăn, không quan tâm lo lắng cho vợ con và hiện vợ chồng đã ly thân nhau hơn 04 tháng. Hiện nay bà đang làm nghề bán vé số kiến thiết, thu nhập trung bình mỗi tháng 9.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn B1 vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể

như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Kim B ly hôn với ông Huỳnh Văn B1; về quan hệ nuôi con chung: giao cháu Huỳnh Văn T, sinh ngày 31/01/2011; Huỳnh Văn T1, sinh ngày 28/10/2016 và Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 02/11/2018Huỳnh Văn Thịnh, sinh ngày 31/01/2011; Huỳnh Văn T1, sinh ngày 28/10/2016 và Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 02/11/2018 cho bà B trực tiếp nuôi, ông B1 không cấp dưỡng nuôi con cùng bà B sau khi vợ chồng ly hôn; về quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận và về nợ chung: không có, không tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có ý kiến gì và cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó Tòa án nhân được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*.....Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Kim B không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Văn B1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim B và ông Huỳnh Văn B1 tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông B1 là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà B thấy rằng: Theo bà B trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ việc ông B1 không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nhiều không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà B vẫn cương quyết ly hôn với ông B1. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cho đến tại phiên tòa hôm nay, ông B1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa xét xử mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì giữa bà B và ông B1 đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần và ly thân nhau (bút lục số 29).

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông B1 không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B đối với ông B1 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo bà B xác định vợ chồng có 03 đứa con chung tên Huỳnh Văn T, sinh ngày 31/01/2011; Huỳnh Văn T1, sinh ngày 28/10/2016 và Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 02/11/2018, bà B yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông B1 cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho ông B1, nhưng ông B1 vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của bà B nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, cháu Huỳnh Hữu T2, Huỳnh Văn T1 cũng đã có ý kiến bằng văn bản được sống với bà B. Hơn nữa, từ khi vợ chồng ly thân đến nay các con đều do bà B là người trực tiếp nuôi con; bà B có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó ông B1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà B. Vì vậy, cần giao cháu Huỳnh Văn T, sinh ngày 31/01/2011; Huỳnh Văn T1, sinh ngày 28/10/2016 và Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 02/11/2018 cho bà B

trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo bà B, vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà B về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để ông B1 biết, nhưng đến nay ông B1 không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà B và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (bà B, ông B1) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim B có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà B phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Kim B ly hôn ông Huỳnh Văn B1.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Văn T, sinh ngày 31/01/2011; Huỳnh Văn T1, sinh ngày 28/10/2016 và Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 02/11/2018 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông B1 không cấp dưỡng nuôi con cùng bà B sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Nguyễn Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002210 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/9/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã Bình Minh;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh